

當日市場：現金流出現分歧

2020/02/05

市場走勢

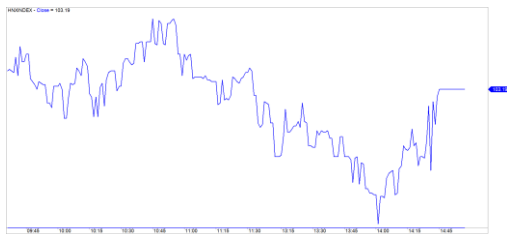
市場指數	VNI	HNI	UPCOM
收盤	925.91	103.19	55.21
%日	-0.34%	0.60%	0.86%
%週	-6.61%	-2.91%	-1.80%
%月	-4.06%	0.78%	-2.54%
%年	1.90%	-0.15%	0.73%
<b>成交值(十億盾)</b>			
當日	3,570	402	283
日均量/週	4,112	450	204
日均量/月	3,624	348	203
<b>外資進出</b>			
買進	1,105.41	45.90	50.43
賣出	1,278.20	66.71	49.59
買賣超	-172.79	-20.81	0.84
<b>市場漲跌家數</b>			
上漲	154	54	176
下跌	129	64	76
持平	106	254	651
<b>市場指標</b>			
P/E	14.35	8.99	12.61
總市值 (兆盾)	3,185	195	466
股息殖利 率	2.43%	4.73%	4.41%

資料源: Bloomberg - YSVN

VNINDEX



HNIINDEX



市場走勢

市場繼續在窄幅內橫盤波動，流動性持續減少。VN 指數在 920-936 點內波動，收於 925.91 點，下跌 0.34%。HNX 指數繼續保持良好的漲勢，上漲 0.6%，收於 103.19 點。三大市場的交易價值繼續小幅減少，達 3 兆 5,000 億越南盾。

市場的交易有些謹慎，但仍有很多亮點。具體為，VPB (+ 3%) 連續第三盤上漲，流動性超過 640 萬股。HDB 上漲了 3.1%，價格走勢顯示從低部的 26,000 越南盾強勁回漲。相反，SAB 對指數造成最大的負面影響，因在最近兩盤持續下跌。

醫藥股 (DHG, DCL, JVC) 在近期強勁反彈後得以回調。現金流量傾向於轉移到中型股和小型股，特別是 LDG (+ 6%)，DLG (+ 4.7%)，PVD (+ 2.5%)，SCR (+ 1.9%) 等最近深跌的股碼。

外資在市場上賣超超過 1,927 億越南盾。集中拋售 DXG (621 億)，VNM (399 億)。相反 HDB (340 億)，E1VFVN30 (203 億) 在過去兩盤繼續成為買超的股碼。

市場短期觀點

我們認為市場可能會繼續在 VN-Index 的 929-936 點的價格範圍內橫盤整理。同時，市場仍處於短期恢復階段中，現金流量可能會繼續分散到各類股，特別是銀行股可能會繼續吸引短期現金流量。此外，股票比例略有增加，但我們認為這仍為不積極的分數，因此短期策略為不應急於增加股票比例並繼續保持謹慎的態度。

我們的趨勢指標系統在兩個主要指數上維持短期下跌趨勢，VN-Index 的阻力位為 939.13 點和 HNX-Index 的阻力位為 103.83 點。因此，我們建議短期投資者停止拋售股票並觀察市場。同時，短期投資者只應以較小的比例購買新股票以探索短期趨勢，或重組投資組合以降低現有股票的資本。

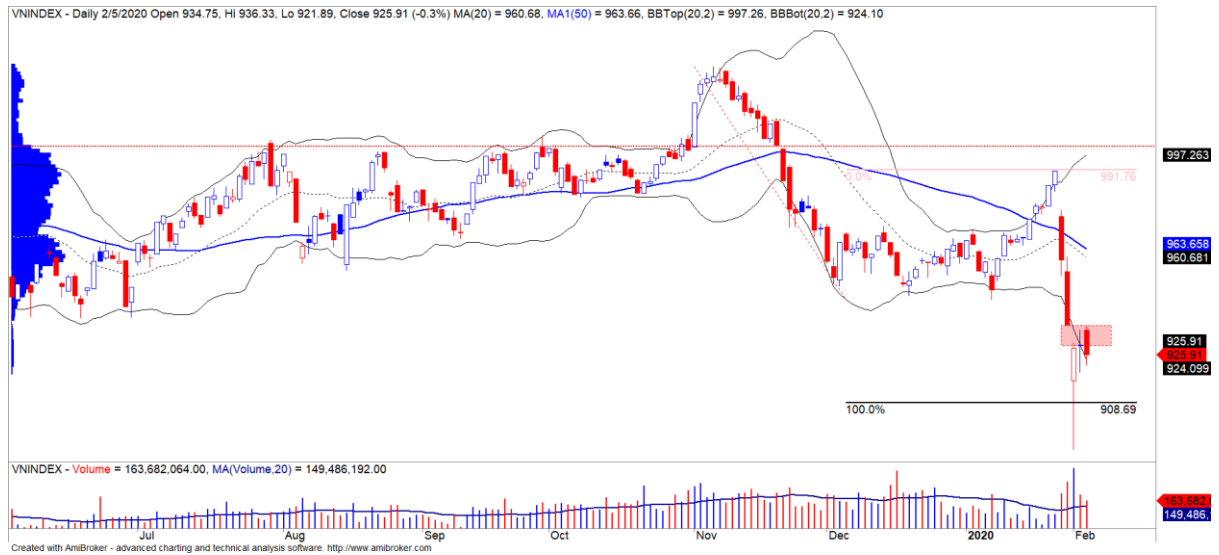
建議短線投資比重：18%股票/82%現金。

(股票趨勢追蹤圖在下一頁內更新)



We Create Fortune

### 技術分析圖



指數技術分析圖 VN-Index



指數技術分析圖 HNX-Index

指數	短期趨勢	中期趨勢	阻力區 1	阻力區 2	支撐區 1	支撐區 2
VN-Index	下跌	下跌	997	1,000	988	953
HNX-Index	下跌	下跌	106	108	99	90
VN30	下跌	下跌	895	935	877	863
VNMidcaps	下跌	下跌	992	1,030	969	963
VNSmallcaps	下跌	下跌	835	845	822	804

We Create Fortune

## 股票趨勢追蹤表

股票	價格	短期趨勢	中期趨勢	短期買進價格	短期停損	暫計短期利潤%	短期訊號	中期買進價格	中期停損	暫計中期利潤%	中期訊號
AAA	11.20	GIẢM	GIẢM		11.65				13.75		
ACB	23.00	GIẢM	TĂNG		23.58			24.00	22.57	-4.17%	
ACV	59.00	GIẢM	GIẢM		61.40				77.50		
ANV	17.60	GIẢM	GIẢM		18.67				24.61		
ASM	5.66	GIẢM	GIẢM		6.07				7.18		
BFC	10.00	GIẢM	GIẢM		11.21				13.05		
BID	53.50	GIẢM	TĂNG		55.97			33.40	49.22	60.18%	
BMP	42.00	GIẢM	GIẢM		43.42				49.34		
BSR	7.60	GIẢM	GIẢM		8.10				8.84		
BVH	56.80	GIẢM	GIẢM		60.36				72.56		
BWE	19.20	GIẢM	GIẢM		21.08				24.17		
CEO	8.40	GIẢM	GIẢM		8.62				9.80		
CII	24.15	GIẢM	TĂNG		25.48			26.00	22.83	-7.12%	
CMG	30.05	GIẢM	GIẢM		32.59				38.10		
CMX	17.45	TĂNG	TĂNG	12.55	14.38	39.04%			16.17		
CSM	13.10	GIẢM	GIẢM	14.30	13.59	-4.94%	BÁN		14.75		
CTD	50.60	GIẢM	GIẢM		56.46				61.28		
CTG	26.55	TĂNG	TĂNG	20.60	24.20	28.88%		23.55	22.98	12.74%	
CTR	44.10	GIẢM	N/A		48.02			-	N/A		
CVT	19.75	GIẢM	GIẢM		20.20				22.18		
DCM	5.69	GIẢM	GIẢM		5.90				6.45		
DGC	24.20	GIẢM	GIẢM		25.21				26.93		
DGW	23.90	GIẢM	TĂNG		24.37			25.20	22.71	-5.16%	
DHA	32.00	TĂNG	GIẢM	31.85	30.41	0.47%			32.52		
DHC	38.90	GIẢM	TĂNG		42.21			37.70	36.02	3.18%	
DHG	96.50	GIẢM	TĂNG	93.00	98.20	5.60%	BÁN	99.50	94.66	-3.02%	MUA
DIG	11.40	GIẢM	GIẢM		12.12				14.46		
DPG	24.15	GIẢM	GIẢM		28.34				38.70		
DPM	11.40	GIẢM	GIẢM		11.87				13.89		
DPR	37.60	GIẢM	TĂNG		40.16			41.30	36.21	-8.96%	
DQC	14.25	GIẢM	GIẢM		15.35				17.13		
DRC	22.75	GIẢM	GIẢM		24.62			21.60	23.40	8.32%	BÁN
DXG	10.90	GIẢM	GIẢM		11.93				14.95		
EIB	17.20	TĂNG	TĂNG	17.80	16.75	-3.37%		18.40	16.46	-6.52%	

We Create Fortune

FCN	9.30	GIẢM	GIẢM		9.88			11.04		
FMC	25.00	GIẢM	TĂNG		25.60			31.60	25.00	-20.89%
FPT	52.00	GIẢM	GIẢM		53.94			46.00	54.99	19.54%
GAS	81.60	GIẢM	GIẢM		88.13				101.88	
GEX	19.10	TĂNG	GIẢM	20.50	18.98	-6.83%			20.84	
GIL	17.65	GIẢM	GIẢM		19.25			18.90	18.75	-0.80%
GMD	18.90	GIẢM	GIẢM		19.77				23.37	
GTN	16.00	GIẢM	GIẢM		17.69				20.66	
GVR	10.50	GIẢM	N/A		11.30				N/A	
HAG	3.30	GIẢM	GIẢM		3.59				4.22	
HAX	13.45	GIẢM	GIẢM		14.36				17.10	
HBC	10.40	GIẢM	GIẢM		11.15				12.34	
HCM	18.30	GIẢM	GIẢM		20.02				23.40	
HDB	28.40	TĂNG	GIẢM	28.40	28.24	0.00%	MUA		29.24	
HDC	20.15	GIẢM	GIẢM		21.10			15.25	21.08	38.24%
HDG	26.30	GIẢM	GIẢM		28.10				32.97	
HNG	12.70	GIẢM	GIẢM		13.78				15.25	
HPG	24.45	GIẢM	TĂNG		25.35			23.85	23.23	2.52%
HSG	8.03	GIẢM	TĂNG		8.68			7.75	7.52	3.61%
HT1	14.50	GIẢM	TĂNG		14.86			16.90	13.91	-14.20%
HUT	2.10	GIẢM	GIẢM		2.33				2.71	
HVN	26.50	GIẢM	GIẢM		28.88				35.49	
KBC	14.80	GIẢM	TĂNG		15.27			15.35	14.21	-3.58%
KDH	24.75	GIẢM	GIẢM		25.31			24.00	24.98	4.06%
KSB	15.30	GIẢM	GIẢM		16.58				17.89	
LCG	6.52	GIẢM	GIẢM		6.88				8.27	
LDG	6.49	GIẢM	GIẢM		7.10				9.18	
LHG	14.35	GIẢM	GIẢM		15.08				16.89	
LPB	7.00	TĂNG	GIẢM	7.00	6.97	0.00%	MUA		8.05	
MBB	21.15	GIẢM	GIẢM		21.25				22.70	
MPC	22.00	TĂNG	TĂNG	22.00	21.97	0.00%	MUA	24.10	19.14	-8.71%
MSN	50.00	GIẢM	GIẢM		51.76				61.61	
MSR	14.30	GIẢM	GIẢM		14.88				16.05	
MWG	108.00	GIẢM	GIẢM		112.52				122.49	
NDN	13.80	GIẢM	GIẢM		15.06				17.24	
NKG	7.80	GIẢM	GIẢM		8.93			7.11	8.06	13.41%
NLG	25.80	GIẢM	GIẢM		26.97			28.70	26.30	-8.38%
NT2	19.25	TĂNG	GIẢM	19.80	18.63	-2.78%			20.20	
NTL	20.15	GIẢM	GIẢM		22.16			24.20	21.14	-12.66%



We Create Fortune

NVL	54.00	GIẢM	GIẢM		57.19			59.95		
OIL	7.00	GIẢM	GIẢM		7.61			9.30		
PAC	23.40	GIẢM	GIẢM		24.12			27.00		
PC1	14.40	GIẢM	GIẢM		16.63			19.39		
PDR	26.10	TĂNG	TĂNG	26.50	24.77	-1.51%	29.00	25.19	-10.00%	
PHR	33.65	GIẢM	GIẢM		37.62			46.96		
PLX	51.50	GIẢM	GIẢM		53.12			60.01		
PNJ	82.70	GIẢM	GIẢM		86.66		77.07	84.79	10.01%	BÁN
POW	9.57	GIẢM	GIẢM		10.64			12.20		
PVT	13.20	GIẢM	GIẢM		13.90			16.41		
PPC	25.70	GIẢM	TĂNG		26.35		28.40	24.39	-9.51%	
PTB	68.00	TĂNG	GIẢM	70.00	64.54	-2.86%		72.68		
PVB	16.30	GIẢM	GIẢM		17.40			19.65		
PVD	12.50	GIẢM	GIẢM		13.50			16.51		
PVI	31.40	GIẢM	GIẢM		31.73			33.18		
PVS	16.10	GIẢM	GIẢM		16.89			19.30		
PXS	5.86	TĂNG	TĂNG	5.90	5.23	-0.68%	6.20	4.92	-5.48%	
QNS	27.80	TĂNG	GIẢM	27.70	26.85	0.36%		28.87		
REE	33.30	GIẢM	GIẢM		34.69		33.33	35.23	5.70%	BÁN
SAB	194.00	GIẢM	GIẢM		217.89			248.37		
SAM	9.42	TĂNG	TĂNG	8.15	9.10	15.58%	7.40	8.67	27.30%	
SCR	5.40	TĂNG	GIẢM	5.30	4.67	1.89%		5.93		
SHI	8.88	GIẢM	TĂNG		9.22		6.99	8.30	27.04%	
SJS	16.50	GIẢM	GIẢM		16.80		17.00	24.08	41.66%	BÁN
SKG	11.00	GIẢM	GIẢM		11.68		12.30	11.66	-5.18%	BÁN
SSI	16.95	GIẢM	GIẢM		17.93			19.73		
STB	10.25	GIẢM	TĂNG		10.71		10.20	9.94	0.49%	MUA
TCB	21.75	GIẢM	GIẢM		22.54			24.80		
TCM	18.80	GIẢM	TĂNG		21.16		20.65	18.42	-8.96%	MUA
TDH	9.63	GIẢM	GIẢM		10.07			11.10		
TLH	3.46	GIẢM	GIẢM		3.81		4.48	3.49	-22.16%	
TNG	14.50	GIẢM	TĂNG		16.00		15.50	13.78	-6.45%	MUA
VCB	88.90	GIẢM	TĂNG		91.95		62.00	86.74	43.39%	
VCG	25.10	TĂNG	GIẢM	25.80	24.54	-2.71%	19.20	25.28	31.66%	
VCS	64.80	GIẢM	GIẢM		68.86			79.65		
VGC	17.50	GIẢM	GIẢM		18.10			18.86		
VGT	8.60	TĂNG	GIẢM	8.60	8.60	0.00%	MUA	8.95		
VHC	32.50	GIẢM	GIẢM		34.58			41.92		
VHM	86.00	GIẢM	GIẢM		88.10			91.72		



We Create Fortune

VIB	17.30	TĂNG	TĂNG	17.80	17.07	-2.81%		17.70	16.56	-2.26%	
VIC	114.50	GIẢM	TĂNG		115.59			112.00	113.76	2.23%	
VIP	4.91	GIẢM	GIẢM		5.02				5.28		
VJC	127.00	GIẢM	GIẢM		129.12			124.50	140.85	13.14%	BÁN
VND	14.10	GIẢM	TĂNG		14.54			14.70	13.53	-4.08%	MUA
VNG	19.05	GIẢM	GIẢM		19.73				20.87		
VNM	106.60	GIẢM	GIẢM		111.71				126.07		
VPB	24.15	TĂNG	TĂNG	20.00	22.32	20.75%		21.90	20.51	10.27%	
VPI	42.00	TĂNG	TĂNG	42.45	41.55	-1.06%		41.30	40.54	1.69%	
VRC	5.46	GIẢM	GIẢM		7.22				10.69		
VRE	28.95	GIẢM	GIẢM		31.09			35.05	32.08	-8.48%	BÁN
VSC	25.00	GIẢM	TĂNG		26.09			27.00	24.46	-7.41%	

### LARGECAPS 大型股票趨勢追蹤表

股票	價格	短期趨勢	中期趨勢	短期買進價格	短期停損	暫計短期利潤%	短期訊號	中期買進價格	中期停損	暫計中期利潤%	中期訊號
ACB	23.00	GIẢM	TĂNG		23.58			24.00	22.57	-4.17%	
BID	53.50	GIẢM	TĂNG		55.97			33.40	49.22	60.18%	
BSR	7.60	GIẢM	GIẢM		8.10				8.84		
BVH	56.80	GIẢM	GIẢM		60.36				72.56		
CTG	26.55	TĂNG	TĂNG	20.60	24.20	28.88%		23.55	22.98	12.74%	
FPT	52.00	GIẢM	GIẢM		53.94			40.23	54.99	36.70%	BÁN
GAS	81.60	GIẢM	GIẢM		88.13				101.88		
GEX	19.10	TĂNG	GIẢM	20.50	18.98	-6.83%			20.84		
GVR	10.50	GIẢM	N/A		11.30				N/A		
HDB	28.40	TĂNG	GIẢM	28.40	28.24	0.00%	MUA		29.24		
HNG	12.70	GIẢM	GIẢM		13.78				15.25		
HPG	24.45	GIẢM	TĂNG		25.35			23.85	23.23	2.52%	
HVN	26.50	GIẢM	GIẢM		28.88				35.49		
KDH	24.75	GIẢM	GIẢM		25.31			24.00	24.98	4.06%	
MBB	21.15	GIẢM	GIẢM		21.25				22.70		
MSN	50.00	GIẢM	GIẢM		51.76				61.61		
MWG	108.00	GIẢM	GIẢM		112.52				122.49		
NVL	54.00	GIẢM	GIẢM		57.19				59.95		
OIL	7.00	GIẢM	GIẢM		7.61				9.30		
PLX	51.50	GIẢM	GIẢM		53.12				60.01		
PNJ	82.70	GIẢM	GIẢM		86.66			77.07	84.79	10.01%	BÁN

We Create Fortune

POW	9.57	GIẢM	GIẢM		10.64			12.20		
QNS	27.80	TĂNG	GIẢM	27.70	26.85	0.36%		28.87		
REE	33.30	GIẢM	GIẢM		34.69		33.33	35.23	5.70%	BÁN
ROS	7.52	GIẢM	GIẢM		10.00			13.87		
SBT	17.75	GIẢM	TĂNG		18.44		17.50	17.46	1.43%	
SSI	16.95	GIẢM	GIẢM		17.93			19.73		
STB	10.25	GIẢM	TĂNG		10.71		10.20	9.94	0.49%	MUA
TCB	21.75	GIẢM	GIẢM		22.54			24.80		
TPB	21.10	GIẢM	GIẢM		21.43			23.94		
VCB	88.90	GIẢM	TĂNG		91.95		62.00	86.74	43.39%	
VCG	25.10	TĂNG	GIẢM	25.80	24.54	-2.71%	18.44	25.28	37.08%	
VCS	64.80	GIẢM	GIẢM		68.86			79.65		
VEA	44.50	TĂNG	GIẢM	45.50	42.41	-2.20%		59.45		
VGI	24.60	GIẢM	N/A		25.95			N/A		
VHM	86.00	GIẢM	GIẢM		88.10			91.72		
VIB	17.30	TĂNG	TĂNG	17.80	17.07	-2.81%	15.00	16.56	15.30%	
VIC	114.50	GIẢM	TĂNG		115.59		112.00	113.76	2.23%	
VJC	127.00	GIẢM	GIẢM		129.12		124.50	140.85	13.14%	BÁN
VNM	106.60	GIẢM	GIẢM		111.71			126.07		
VPB	24.15	TĂNG	TĂNG	20.00	22.32	20.75%	21.90	20.51	10.27%	
VRE	28.95	GIẢM	GIẢM		31.09		35.05	32.08	-8.48%	BÁN

### MIDCAPS 中型股票趨勢追蹤表

股票	價格	短期趨勢	中期趨勢	短期買進價格	短期停損	暫計短期利潤%	短期訊號	中期買進價格	中期停損	暫計中期利潤%	中期訊號
AAA	11.20	GIẢM	GIẢM		11.65				13.75		
ANV	17.60	GIẢM	GIẢM		18.67				24.61		
ASM	5.66	GIẢM	GIẢM		6.07				7.18		
BMI	24.60	TĂNG	TĂNG	25.65	24.53	-4.09%		26.70	23.99	-7.87%	
BMP	42.00	GIẢM	GIẢM		43.42				49.34		
BWE	19.20	GIẢM	GIẢM		21.08				24.17		
CEO	8.40	GIẢM	GIẢM		8.62				9.80		
CII	24.15	GIẢM	TĂNG		25.48			26.00	22.83	-7.12%	
CRE	23.00	GIẢM	GIẢM		23.91			25.00	23.65	-5.42%	BÁN
CTI	19.55	GIẢM	GIẢM		22.73				23.07		
CTR	44.10	GIẢM	TĂNG		48.02			43.70	40.69	0.92%	MUA

We Create Fortune

D2D	51.40	GIẢM	GIẢM		55.90			77.80		
DBD	54.60	TĂNG	GIẢM	58.00	54.48	-5.86%		60.29		
DCM	5.69	GIẢM	GIẢM		5.90			6.45		
DGW	23.90	GIẢM	TĂNG		24.37		25.20	22.71	-5.16%	
DHC	38.90	GIẢM	TĂNG		42.21		37.70	36.02	3.18%	
DIG	11.40	GIẢM	GIẢM		12.12			14.46		
DPG	24.15	GIẢM	GIẢM		28.34			38.70		
DPM	11.40	GIẢM	GIẢM		11.87			13.89		
DRC	22.75	GIẢM	GIẢM		24.62		21.60	23.40	8.32%	BÁN
DXG	10.90	GIẢM	GIẢM		11.93			14.95		
E1VFN30	14.00	GIẢM	GIẢM		14.52			15.42		
FCN	9.30	GIẢM	GIẢM		9.88			11.04		
FLC	3.82	GIẢM	GIẢM		4.21		4.63	4.02	-13.27%	BÁN
GEG	24.95	GIẢM	GIẢM		26.03			27.32		
GMD	18.90	GIẢM	GIẢM		19.77			23.37		
GTN	16.00	GIẢM	GIẢM		17.69			20.66		
HAG	3.30	GIẢM	GIẢM		3.59			4.22		
HBC	10.40	GIẢM	GIẢM		11.15			12.34		
HCM	18.30	GIẢM	GIẢM		20.02			23.40		
HDC	20.15	GIẢM	GIẢM		21.10		15.25	21.08	38.24%	BÁN
HDG	26.30	GIẢM	GIẢM		28.10			32.97		
HPX	26.40	TĂNG	#N/A	27.50	26.12	-4.00%	35.30	#N/A	#N/A	
HSG	8.03	GIẢM	TĂNG		8.68		7.75	7.52	3.61%	
HT1	14.50	GIẢM	TĂNG		14.86		16.90	13.91	-14.20%	
HTM	18.10	GIẢM	TĂNG		19.16		20.00	15.34	-9.50%	
IBC	20.30	GIẢM	GIẢM		20.58			21.22		
IDI	4.17	GIẢM	GIẢM		4.49			5.52		
IJC	13.30	GIẢM	GIẢM		14.18		13.10	14.05	7.27%	BÁN
ITA	2.22	GIẢM	GIẢM		2.39			2.92		
KBC	14.80	GIẢM	TĂNG		15.27		14.85	14.21	-0.31%	
KDC	18.00	GIẢM	GIẢM		19.51		20.82	18.08	-13.16%	
KOS	29.90	TĂNG	TĂNG	26.80	29.50	11.57%	26.30	26.05	13.69%	
KSB	15.30	GIẢM	GIẢM		16.58			17.89		
LDG	6.49	GIẢM	GIẢM		7.10			9.18		
LPB	7.00	TĂNG	GIẢM	7.00	6.97	0.00%	MUA	8.05		
MBG	14.60	GIẢM	GIẢM		16.70			27.83		
MBS	14.10	GIẢM	GIẢM		14.83			15.75		
MPC	22.00	TĂNG	TĂNG	22.00	21.97	0.00%	MUA	24.10	19.14	-8.71%



We Create Fortune

NBB	19.80	GIẢM	GIẢM		20.91			22.02		
NKG	7.80	GIẢM	GIẢM		8.93		7.11	8.06	13.41%	
NLG	25.80	GIẢM	GIẢM		26.97		26.28	26.30	0.06%	
NT2	19.25	TĂNG	GIẢM	19.80	18.63	-2.78%		20.20		
NTL	20.15	GIẢM	GIẢM		22.16		24.20	21.14	-12.66%	
NVB	9.10	GIẢM	TĂNG		9.49		8.50	8.62	7.06%	
OGC	3.42	GIẢM	GIẢM		3.57			3.92		
PC1	14.40	GIẢM	GIẢM		16.63			19.39		
PDR	26.10	TĂNG	TĂNG	26.50	24.77	-1.51%	23.59	25.19	10.62%	
PHR	33.65	GIẢM	GIẢM		37.62			46.96		
PPC	25.70	GIẢM	TĂNG		26.35		28.40	24.39	-9.51%	
PTB	68.00	TĂNG	GIẢM	70.00	64.54	-2.86%		72.68		
PVD	12.50	GIẢM	GIẢM		13.50			16.51		
PVI	31.40	GIẢM	GIẢM		31.73			33.18		
PVS	16.10	GIẢM	GIẢM		16.89			19.30		
PVT	13.20	GIẢM	GIẢM		13.90			16.41		
QCG	3.57	GIẢM	GIẢM		3.79			4.30		
SCR	5.40	TĂNG	GIẢM	5.30	4.67	1.89%		5.93		
SGP	6.10	GIẢM	GIẢM		6.68			8.49		
SHB	7.40	TĂNG	TĂNG	6.40	6.12	15.63%	7.10	6.52	4.23%	
SHS	6.60	GIẢM	GIẢM		7.22		8.40	7.36	-12.38%	BÁN
SZC	14.80	GIẢM	GIẢM		15.48			18.63		
TCH	41.75	TĂNG	TĂNG	30.05	39.80	38.94%	26.15	35.93	59.66%	
TCM	18.80	GIẢM	TĂNG		21.16		20.65	18.42	-8.96%	MUA
TDH	9.63	GIẢM	GIẢM		10.07			11.10		
TNG	14.50	GIẢM	TĂNG		16.00		15.50	13.78	-6.45%	MUA
TTB	3.06	GIẢM	GIẢM		3.78			6.34		
VGC	17.50	GIẢM	GIẢM		18.10			18.86		
VGT	8.60	TĂNG	GIẢM		8.60			8.95		
VHC	32.50	GIẢM	GIẢM		34.58			41.92		
VND	14.10	GIẢM	TĂNG		14.54		14.70	13.53	-4.08%	MUA
VNG	19.05	GIẢM	GIẢM		19.73			20.87		
VPI	42.00	TĂNG	TĂNG	42.45	41.55	-1.06%	41.30	40.54	1.69%	

We Create **Fortune**
**SMALLCAPS 小型股票趨勢追蹤表**

股票	價格	短期趨勢	中期趨勢	短期買進價格	短期停損	暫計短期利潤%	短期訊號	中期買進價格	中期停損	暫計中期利潤%	中期訊號
AAV	7.40	GIẢM	GIẢM		8.32			9.00	7.48	-16.87%	
AGR	3.37	TĂNG	GIẢM	3.60	3.27	-6.39%			3.87		
AMD	1.72	GIẢM	GIẢM		1.93				2.33		
APG	11.40	TĂNG	TĂNG	10.70	9.47	6.54%		9.90	8.88	15.15%	
ART	2.20	GIẢM	TĂNG		2.60			2.30	2.12	-4.35%	
BCG	6.25	GIẢM	GIẢM		6.58				7.40		
C4G	5.60	GIẢM	GIẢM		6.30				6.98		
C69	5.80	GIẢM	GIẢM		6.22				11.07		
CCL	6.09	GIẢM	GIẢM		6.85			7.88	6.27	-20.46%	
CVT	19.75	GIẢM	GIẢM		20.20				22.18		
DAH	8.35	GIẢM	GIẢM		9.01				10.73		
DLG	1.79	GIẢM	GIẢM		1.92				2.39		
DRH	3.16	TĂNG	GIẢM	3.63	3.15	-12.95%			4.24		
DTD	9.60	GIẢM	GIẢM		10.30				12.23		
EVG	2.41	GIẢM	GIẢM		2.62				2.80		
FIT	8.00	GIẢM	GIẢM		8.72				10.68		
FTM	1.61	GIẢM	GIẢM		1.81				3.26		
FUESS V50	12.20	GIẢM	GIẢM		12.49				13.06		
GKM	15.50	TĂNG	TĂNG	15.00	14.91	3.33%		14.90	14.67	4.03%	
HAH	10.30	GIẢM	GIẢM		11.10				12.82		
HAI	2.50	GIẢM	GIẢM		2.81				3.33		
HAR	3.07	GIẢM	GIẢM		3.44				4.15		
HDA	8.90	GIẢM	GIẢM		9.54				10.48		
HHP	12.30	TĂNG	GIẢM	12.20	12.22	0.82%			13.13		
HHS	3.53	GIẢM	TĂNG		3.88			3.36	2.97	5.06%	
HID	2.30	TĂNG	TĂNG	2.36	2.25	-2.54%		2.63	2.16	-12.55%	
HII	9.20	GIẢM	GIẢM		9.57				10.51		
HQC	0.99	GIẢM	GIẢM		1.05				1.21		
HSL	6.67	GIẢM	GIẢM		7.92				8.34		
HUT	2.10	GIẢM	GIẢM		2.33				2.71		
HVG	8.00	TĂNG	TĂNG	7.82	7.93	2.30%		3.90	6.94	105.13%	
HVH	10.80	GIẢM	GIẢM		12.50				16.61		
IDJ	8.40	GIẢM	TĂNG		9.13			7.20	6.50	16.67%	
JVC	3.56	TĂNG	GIẢM	3.47	3.47	2.59%			3.79		



We Create Fortune

KLF	1.40	GIẢM	TĂNG		1.57			1.50	1.33	-6.67%	
LCG	6.52	GIẢM	GIẢM		6.88				8.27		
LGL	6.80	GIẢM	GIẢM		7.49				8.67		
LHG	14.35	GIẢM	GIẢM		15.08				16.89		
LMH	2.05	GIẢM	GIẢM		2.84				5.76		
MST	5.10	GIẢM	TĂNG		5.30			3.40	4.34	50.00%	
NDN	13.80	GIẢM	GIẢM		15.06				17.24		
PHC	10.45	GIẢM	GIẢM		10.91				11.99		
PLP	8.90	GIẢM	GIẢM		9.49				10.90		
PVB	16.30	GIẢM	GIẢM		17.40				19.65		
PVC	5.80	GIẢM	GIẢM		6.40				7.26		
PVX	1.00	GIẢM	GIẢM		1.17				1.45		
PXL	7.50	TĂNG	TĂNG	8.10	7.28	-7.41%		6.70	6.66	11.94%	
SHI	8.88	GIẢM	TĂNG		9.22			5.77	8.30	54.03%	
SJF	1.70	GIẢM	GIẢM		1.90				2.06		
SPP	1.50	GIẢM	GIẢM		1.70				2.33		
TDC	8.09	GIẢM	GIẢM		8.45				9.04		
TIG	5.70	GIẢM	TĂNG		6.31			3.20	5.54	78.13%	
TLH	3.46	GIẢM	GIẢM		3.81			4.48	3.49	-22.16%	
TNA	17.15	GIẢM	GIẢM		20.14				22.82		
TNI	10.05	GIẢM	TĂNG		10.41			10.90	9.99	-7.80%	
TSC	2.06	GIẢM	GIẢM		2.37				3.23		
TTF	2.38	GIẢM	GIẢM		2.56				2.97		
TTH	2.50	TĂNG	GIẢM	2.70	2.49	-7.41%			2.89		
TVC	20.50	GIẢM	TĂNG		21.24			14.30	18.60	43.36%	
VC3	16.50	GIẢM	TĂNG		17.16			22.00	16.32	-25.00%	
VCR	7.90	GIẢM	GIẢM		9.35				12.75		
VNA	2.60	GIẢM	GIẢM		3.10				4.10		
VNE	3.55	GIẢM	GIẢM		3.77				3.70		
VRC	5.46	GIẢM	GIẢM		7.22				10.69		

We Create Fortune

胡志明市交易所 (HSX)

	收盤	漲跌%
VNI	925.91	-0.34%
VN30	845.31	-0.02%
VN Mid	875.18	0.35%
VN Small	708.08	0.49%

河內交易所 (HSX)

	收盤	漲跌%
HNI	103.19	0.60%
HN30	180.35	1.79%
VNX AllSh	808.67	0.09%

UPCOM 市場 (UPCoM)

	收盤	漲跌%
UPCoM	55.21	0.86%

外資交易	成交值(十億盾)	
買進	1105.41	
賣出	1278.2	
買超/賣超	-172.79	

外資交易	成交值(十億盾)	
買進	45.90	
賣出	66.71	
買超/賣超	-20.81	

外資交易	成交值(十億盾)	
買進	50.43	
賣出	49.59	
買超/賣超	0.84	

上漲排名/股碼	漲跌 (VND)	漲跌%
GAB	3500	6.93%
D2D	3300	6.86%
FIT	510	6.81%
FRT	1000	6.06%
LDG	370	6.05%

上漲排名/股碼	漲跌 (VND)	漲跌%
SHB	600	8.82%
TAR	1400	5.07%
CSC	1100	3.44%
PVS	400	2.55%
VCS	1600	2.53%

上漲排名/股碼	漲跌 (VND)	漲跌%
VGT	700	8.86%
MPC	1400	6.80%
LPB	300	4.48%
EVF	300	4.41%
CTR	1500	3.52%

下跌排名/股碼	漲跌 (VND)	漲跌%
DCL	-1750	-7.00%
ROS	-560	-6.93%
CTI	-1450	-6.90%
DHG	-4500	-4.46%
SAB	-9000	-4.43%

下跌排名/股碼	漲跌 (VND)	漲跌%
AMV	-2000	-9.76%
DHT	-3700	-6.98%
L14	-2400	-4.81%
ACB	-200	-0.86%
PLC	-100	-0.84%

下跌排名/股碼	漲跌 (VND)	漲跌%
DVN	-1200	-9.02%
NTC	-3000	-1.93%
MML	-300	-0.51%
BOT	-100	-0.18%
OIL	0	0.00%

\*備註：市值>5,000 億盾；成交值>15 億盾

市值排名/股碼	十億盾
VIC	388,303
VCB	333,057
VHM	281,911
BID	218,798
VNM	182,845

市值排名/股碼	十億盾
ACB	38,431
SHB	11,936
VCG	11,175
VCS	10,112
PVS	7,504

市值排名/股碼	十億盾
VEA	58,023
MCH	45,291
BSR	23,399
MML	18,914
MVN	17,417

交易量排名/股碼	成交值	30 日均
CTG	11,802,260	8,376,197
DLG	10,198,390	8,707,077
MBB	8,036,603	6,003,413
LMH	7,884,890	441,424
DXG	7,330,590	2,042,942

交易量排名/股碼	成交值	30 日均
SHB	13,239,005	8,089,054
ACB	4,561,850	2,522,212
PVS	3,133,561	2,728,500
NVB	2,527,100	1,762,693
ACM	1,472,410	385,142

交易量排名/股碼	成交值	30 日均
LPB	2,219,653	740,046
SIP	1,403,376	22,955
BSR	923,440	2,709,275
VIB	742,628	698,261
EVF	707,263	199,042

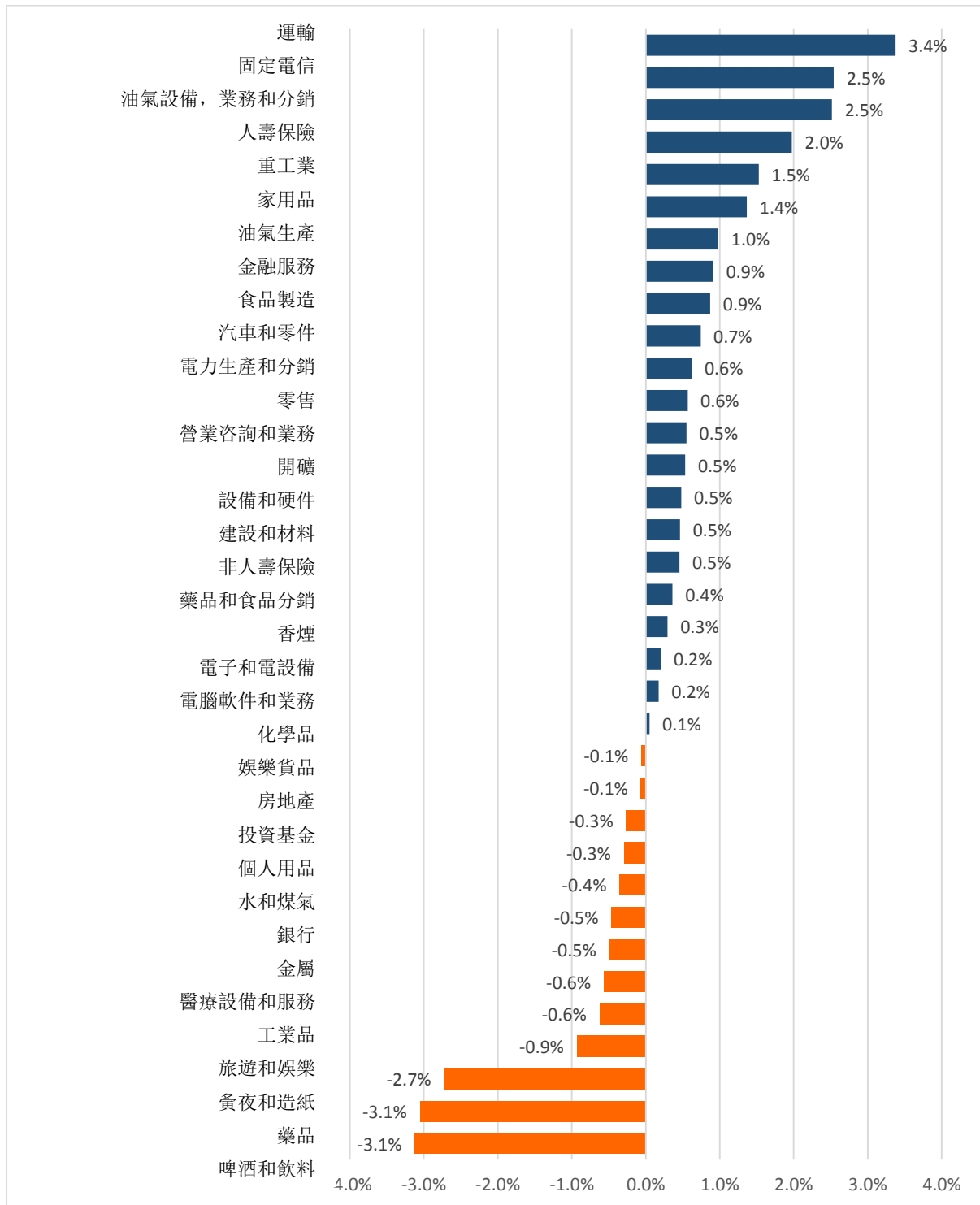
資料源: Bloomberg & Yuanta Research

資料源: Bloomberg & Yuanta Research

資料源: Bloomberg & Yuanta Research

We Create Fortune

## 各行業板塊的交易走勢

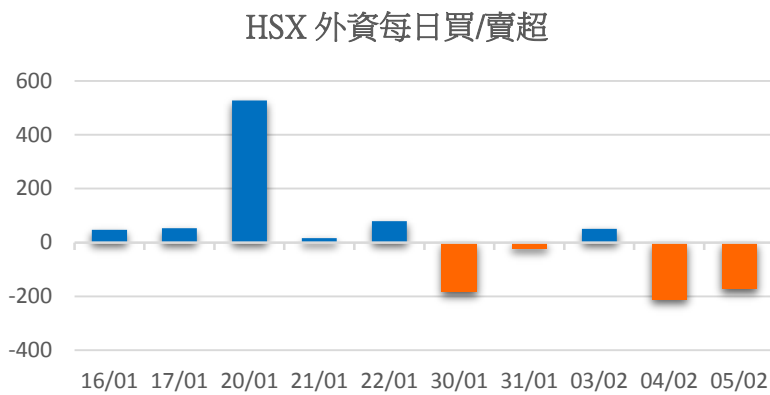


資料源: FimPro - YSVN



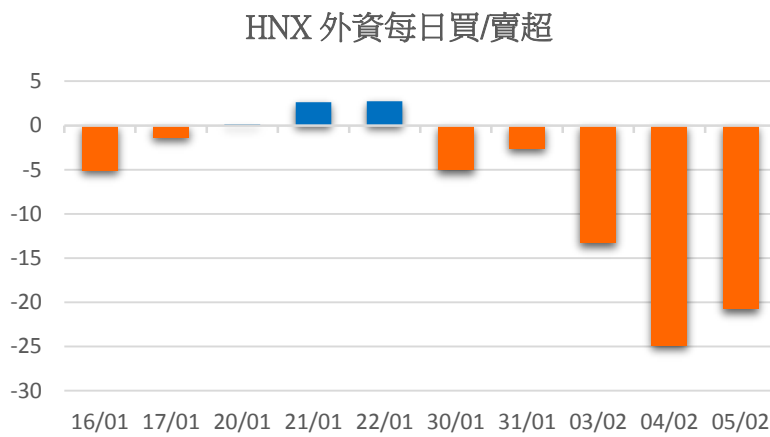
We Create Fortune

## 外資買進賣統計



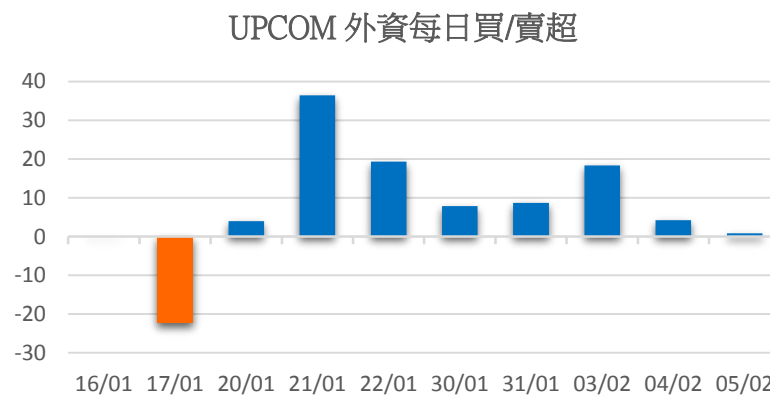
證券代碼	買超金額 (百萬盾)	證券代碼	賣超金額 (百萬盾)
E1VFN30	20,311	VIC	59,468
HDB	19,095	VNM	53,253
CTG	13,113	DXG	22,593
VJC	10,225	POW	21,188
VCB	8,957	STB	13,600

HSX 外資買/賣超的前 5 名



證券代碼	買超金額 (百萬盾)	證券代碼	賣超金額 (百萬盾)
WCS	386	PVS	10,898
AMV	265	TNG	3,723
TIG	172	SHB	3,683
NBC	105	NDN	2,949
NRC	80	SHS	1,992

HNX 外資買/賣超的前 5 名



證券代碼	買超金額 (百萬盾)	證券代碼	賣超金額 (百萬盾)
QNS	1,668	ACV	994
FOX	107	VEA	522
HUG	85	SDK	119
KHD	46	MCH	13
VGT	25	SKH	11

UPCOM 外資買/賣超的前 5 名

源: FiinPro - YSVN





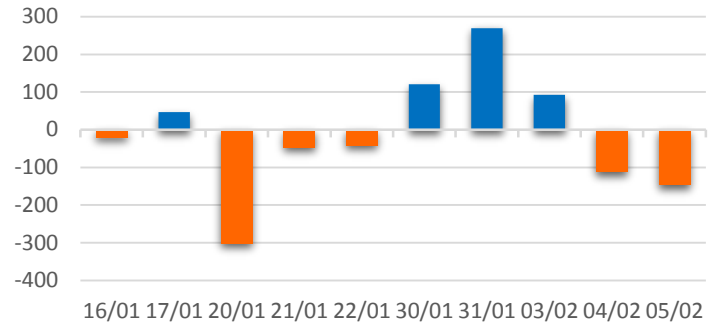
We Create **Fortune**

### 自營進出統計

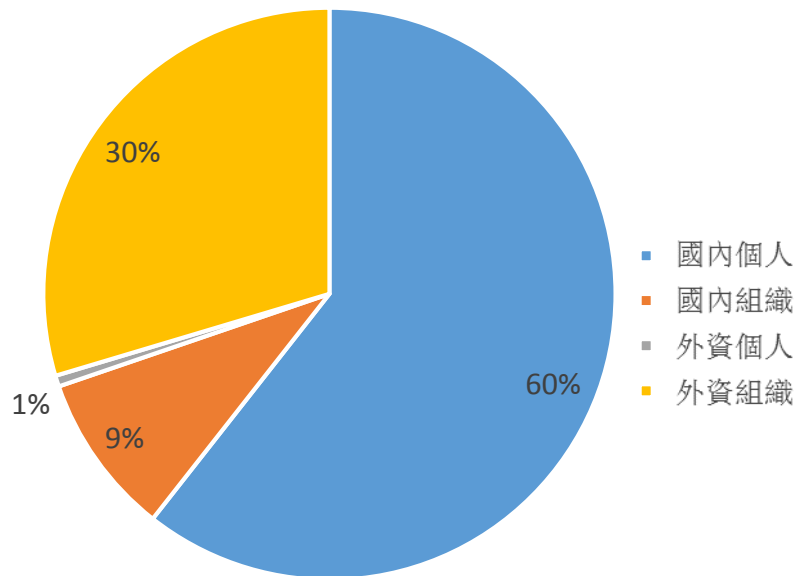
證券代碼	買超金額 (百萬盾)	證券代碼	賣超金額 (百萬盾)
MBB	21,545	E1VFN30	35,983
MWG	14,289	ROS	34,689
VHM	10,987	MBB	21,743
FPT	9,282	MWG	14,536
HPG	8,072	VNM	12,870

券商自營交易最大前名

券商自營交易每日買/賣超 (bil.VND)



### 越南證券市場投資人類別統計

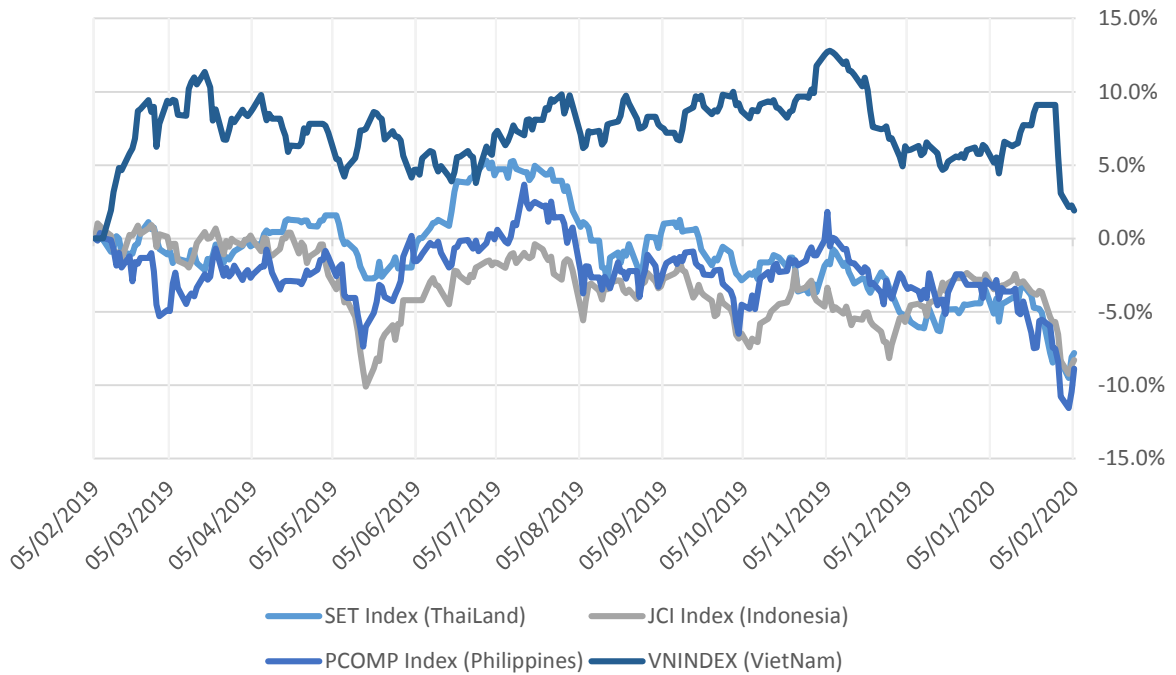


資料源: FiiPro - YSVN



We Create Fortune

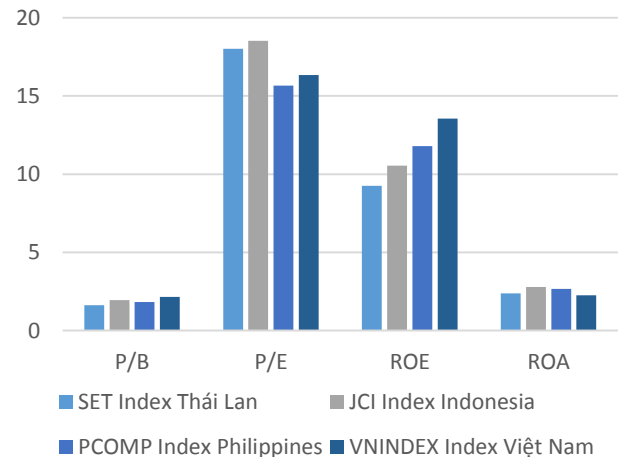
東南亞主要市場走勢比較



東南亞主要市場數據

		Thailand	Indonesia	Philippines	Vietnam
P/B		1.6x	2.0x	1.9x	2.1x
P/E		17.9x	18.6x	15.9x	16.2x
ROE	%	9.33	10.55	11.79	13.57
ROA	%	2.39	2.78	2.66	2.26
Vốn hóa	Tỷ USD	518.73	502.19	176.60	136.95
GTGD	Triệu USD	1.65	0.37	0.10	0.14
LS cổ tức	%	3.40	2.56	1.70	2.09

源：Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

## 元大證券（越南）公司

### 個人客戶分析部

**Nguyễn Th ê Minh**

研究分析經理

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com.vn

**Quách Đức Khánh**

高級分析專員

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuanta.com.vn

**Phạm Tấn Phát**

高級分析專員

+84 28 3622 6868 ext 3880

phat.pham@yuanta.com.vn

**Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng**

分析專員

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com.vn

### 個人客戶業務部

**Nguyễn Thanh Tùng**

總公司業務經理

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

**Chung Kim Hoa**

華人客戶部經理

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

**Phù Vĩnh Qu ê**

堤岸分行經理

+84 28 3622 6868

que.phu@yuanta.com.vn

**Nguyễn Việt Quang**

河內分行經理

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

**Võ Thị Thu Thủy**

平陽分行經理

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

**Bùi Quốc Phong**

同奈分行經理

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuanta.com.vn

**Nguyễn Đức Hoàn**

河內南部營業中心經理

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuanta.com.vn

**Võ Đình Tuấn**

峴港分行經理

+84 28 3622 6868 ext 3301

tuan.vo@yuanta.com.vn



We Create **Fortune**

## Appendix A: Important Disclosures

### Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

### Ratings Definitions

**BUY:** We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

**HOLD-Outperform:** In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

**HOLD-Underperform:** In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

**SELL:** We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

**Under Review:** We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

**Restricted:** The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

### Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written